

# “Tiếng Việt từ thời LM de Rhodes - Kinh Lạy Cha và Philipê Bình - vài nhận xét thêm (phần 5E)”

Nguyễn Cung Thông<sup>1</sup>

Phần này bàn về bản Kinh Lạy Cha (KLC) từ các tài liệu chép tay của LM Philipê Bình, còn giữ trong thư viện Tòa Thánh La Mã với mã số **Borg.tonch 13** và **Borg.tonch 18**. Các chữ viết tắt là NCT (Nguyễn Cung Thông), HV (Hán Việt), HT (Hải Thanh). Các cuốn sách chép tay này không có chủ đề (cho cả cuốn) nhưng có tiêu đề cho từng mục cũng như thiếu năm xuất bản, tuy trang đầu có ghi là "Sách này là của Thầy cả Bình" - xem hình chụp bên dưới.



## 1. Kinh Lạy Cha bằng chữ Nôm (Philipê Bình) – xem chi tiết ở trang 3

Sau đây là nguyên văn KLC bằng chữ Nôm - trong tài liệu chép tay của LM Philipê Bình - chụp lại từ thư viện Tòa Thánh La Mã với mã số **Borg.tonch 18 trang 17v**. Có tất cả **78** chữ không kể lời nguyện khi kết thúc **amen** - cột thứ ba từ bên phải ghi "Kinh Thiên Chúa cùng kinh A Vê" - bắt đầu từ cột thứ tư từ bên phải có các **chữ Nôm** như sau:

經 **kinh** (cũng là âm HV)

天 **thiên** (cũng là âm HV)

主 **chúa** (âm HV là chủ/chú)

<sup>1</sup> Nghiên cứu tiếng Việt độc lập ở Melbourne (Úc) - địa chỉ [nguyencungthong@yahoo.com](mailto:nguyencungthong@yahoo.com)

o

共 **cùng** (âm HV là cộng/cung)

亞 **a** (âm HV là á)

亞為 **vê** - thành phần HT là vi 為

o

眾 **chúng** (cũng là âm HV)

碎 **tôi** - âm HV là toái

襪 **lạ**

天 **thiên** (cũng là âm HV)

地 **địa** (cũng là âm HV)

真 **chân** (cũng là âm HV) - còn có thể đọc là xin (bản Nôm Sách Các Phép của LM Halarío de Jesu) như trong bản chụp mục trời bên dưới.

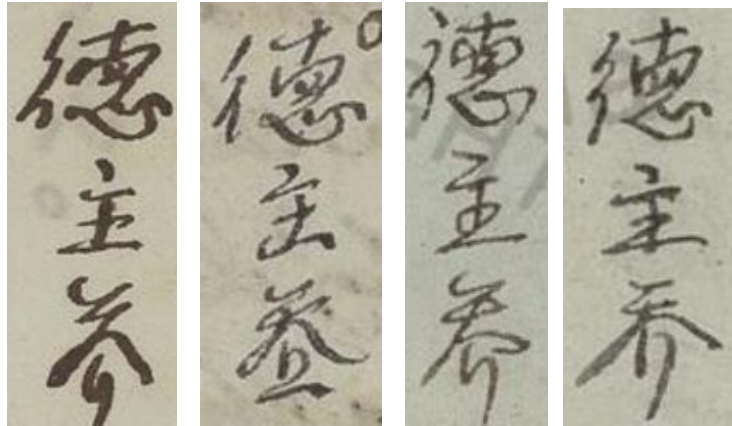
主 **chúa** - âm HV là chủ

o

於 **ở** - âm HV 於 đọc là ư

連 **trên** - âm HV 連 là liên

𠵼 **trời** viết nhanh (theo thảo thư TQ?) - Philipê Bình ghi là **blời**. Người viết mất rất nhiều thời gian để rà soát chữ này trong các tài liệu chữ Nôm mà không được kết quả hoàn toàn thỏa đáng, tuy nhiên trong cùng một tài liệu của LM Philipê Bình hãy so sánh các cách viết Đức Chúa Trời như sau



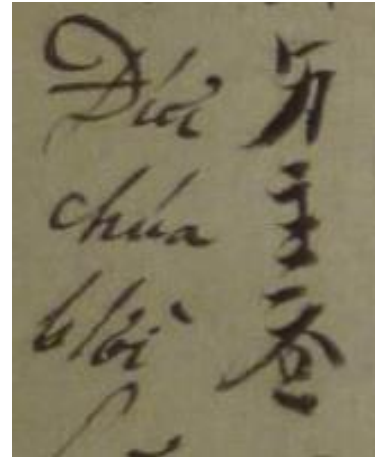
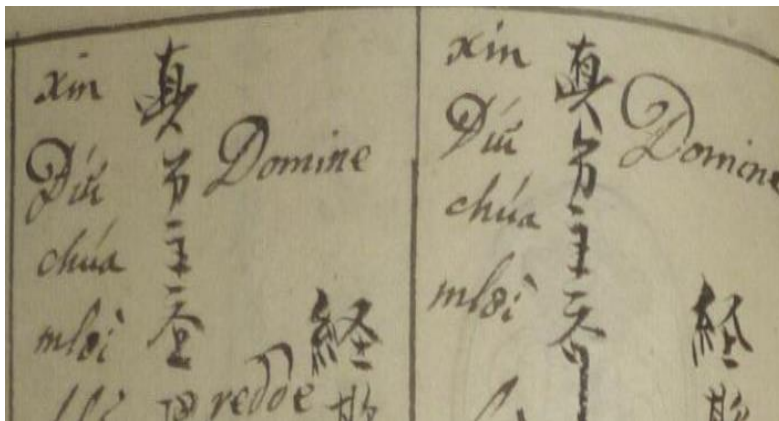
Trích từ Borg.tonch.18 (thư viện Tòa Thánh La Mã).

*chiu hom ban yang*

敬勸達款每事。因為事公。碎結每罪。并達款每事。結時拆用者。  
 極時扶憑德主。齊改者。 無錦。

經天主。共經重結。

敬辭神天地。真主。於達亦。果。敬辭。敬辭。願。若。毛。奇。創。國。毛。治。  
 且。邪。意。毛。帶。坦。平。達。亦。五。敬辭。毛。毛。刷。朱。敬辭。恒。軍。用。堵。康。教。  
 女。敬辭。平。敬辭。拱。教。凡。因。女。敬辭。毛。諸。貴。敬辭。以。榮。感。杜。卡。助。  
 敬辭。榮。事。心。 無錦。



Trích từ *Sách Các Phép* của LM Halario de Jesu (giữa TK 18) - vẫn dùng **mlời** và **blời** và các dạng (viết thảo) chữ Nôm của 聖.

異 là - các bản Nôm khác thường dùng dạng **la HV** 羅

吒 cha - âm HV là tra/trá

眾 chúng (cũng là âm HV)

碎 tôi - âm HV là toái

o

眾 chúng (cũng là âm HV)

碎 tôi - âm HV là toái

願 nguyện (cũng là âm HV)

o

名 danh (cũng là âm HV)

吒 cha - âm HV là tra (陟加切 trác gia thiết TV) hay trá (陟嫁切 trác giá thiết TVGT/ĐV)

奇 cả (âm HV là kì/cơ) - các bản Nôm khác thường dùng chữ **cả HV** 𠵼

創 sáng (cũng là âm HV)

o

國 **quốc** (Philiphê Bình ghi là **cuốc**), cũng là âm HV. Các bản KLC Đàng Trong cùng thời đã bắt đầu dùng **nước** 渌 thay vì quốc/cuốc.

吒 **cha**

治 **trị** (cũng là âm HV)

旦 **đến** (âm HV là đán). Các bản KLC Đàng Trong cùng thời ghi đến bằng **diễn HV** 典.

o

啞 **vâng** - các bản Nôm khác thường dùng chữ **bang** 邦 (tương quan **b - v**).

意 **ý** (cũng là âm HV)

吒 **cha**

帶 **dưới** - gồm chữ đái HV 帶 hợp với chữ hạ 下 (**đái** > \***đưới** > **dưới** qua khuynh hướng biến âm **đ - d**)

坦 **đất** - âm HV là thản (\*đản - đất) - liên hệ của **phụ âm cuối -n** và **-t** rất đáng chú ý.

o

平 **bằng** (Philiphê Bình ghi là **bg`** hay là bằng) - âm HV là bình/biên. Các bản Nôm sau này dùng **bằng HV** 朋, không phù hợp với nghĩa nguyên thủy! Vào TK 17, chữ 平 có thể đọc là **bằng** (Cao Bằng/Đàng Ngoài) hay **bình** (Quảng Bình/Đàng Trong). Các bản KLC đầu tiên (de Rhodes chép lại) cho thấy dạng bằng, đây là một khuyết điểm của chữ Nôm vì không cho cách đọc chính xác: td. chữ 刀 có thể đọc là đao hay dao, chữ 主 có thể là chủ hay chúa...

連 **trên** - âm HV 連 là liên

丕 **trời**

丕 **vậy** (âm HV là phi)

o

眾 **chúng** (cũng là âm HV)

碎 **tôi** - âm HV là toái

**吁 xin** - thành phần HT là thiên 天 ~ \*siên/xiên - xin qua khuynh hướng biến âm **s/x - t/th**)  
so với một dạng chữ Nôm cổ hơn dùng chân 眞 (~ xin) qua khuynh hướng biến âm **ch-x/s**  
(chung - xung, chắc - xắt, chàm > xám ...) như trong Phật Thuyết Đại báo phụ mẫu ân trọng  
Kinh, Thiên Nam Ngũ Lục ...v.v..

**吒 cha**

o

**𠵼 rày** - thành phần HT là lê HV 例 viết dưới chữ nhật HV 日 chỉ nghĩa

**朱 cho** (âm HV là chu)

**眾 chúng** (cũng là âm HV)

**碎 tôi** - âm HV là toái

o

**恒 hằng** (cũng là âm HV)

**尋 ngày**

**用 dụng** (dùng) - cũng là âm HV

**堵 đủ** (âm HV là đồ)

o

**麻 mà** (ma là âm HV). Các bản KLC Đàng Trong cùng thời ghi là ba HV 吧 (đọc là và, âm HV là ba).

**赦 tha** (xá là âm HV) - phụ âm đầu th- của tha thể hiện khuynh hướng biến âm s/x - th

**女 nự** (âm HV là nữ)

**眾 chúng** (cũng là âm HV)

**碎 tôi** - âm HV là toái

o

平 **bằng** (Philiphê Bình ghi là **bg`** hay là bằng) - âm HV là bình/biền

眾 **chúng** (cũng là âm HV)

碎 **tôi** - âm HV là toái

拱 **củng** (âm HV là củng)

赦 **tha** (xá là âm HV) - phụ âm đầu th- của tha thể hiện khuynh hướng biến âm **s/x - th**

o

几 **kê** (âm HV là kì)

固 **có** (âm HV là cố)

女 **nợ** (âm HV là nữ)

眾 **chúng** (cũng là âm HV)

碎 **tôi** - âm HV là toái

丕 **vậy** (âm HV là phi) - chữ này được thêm vào dòng bên phải

o

吁 **xin** - các bản Nôm khác thường dùng lại thay vì xin (**lại HV 吏**).

渚 **chớ** (âm HV là chữ)

底 **để** (cũng là âm HV)

眾 **chúng** (cũng là âm HV)

碎 **tôi** - âm HV là toái

o

沙 **sa** (cũng là âm HV)

蒸 **chưng** (cũng là âm HV) - xuất hiện 2 lần trong bản KLC này. Chưng có thể dùng làm một chỉ số (indicator) cho thấy thời gian xuất hiện của văn bản, td. bản KLC năm 1632 có 4

chữ chung so với bản KLC vào cuối TK 18, đầu TK 19 dùng 2 chữ chung (Đàng Ngoài) so với cùng thời kì thì Đàng Trong không dùng chung cho đến ngày nay thì hoàn toàn không dùng chung nữa (năm 2022).

感 **cám** (âm HV là cảm)

吐 **dỗ** - thành phần HT là 杜 **đỗ** HV: đỗ > dỗ qua biến âm **đ** – **d**. Các bản Nôm gần đây dùng chữ **dụ HV 誘** (dụ ~ dỗ).

**o**

卞 **bền** (âm HV là biện)

助 **chữa** (âm HV là trợ)

眾 **chúng** (cũng là âm HV)

碎 **tôi** - âm HV là toái

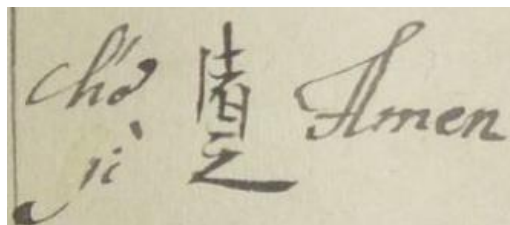
蒸 **chung** (cũng là âm HV). Các bản KLC Đàng Trong cùng thời với LM Philipê Bình không thấy dùng chung nữa.

事 **sự** (cũng là âm HV)

與 **dữ** (cũng là âm HV) - viết nhanh là 与

亞 **a** (âm HV là á) - kí âm lời nguyện kết thúc **amen** (xem chữ miên bên dưới) để tuyên xưng đức tin, mong cho được như vậy... Các bản Nôm của LM Maiorica dùng **a/á 阿**, cũng như các bản KLC Đàng Trong cùng thời với LM Philipê Bình.

綿 **men** (âm HV là miên) - **amen** có gốc là tiếng Do Thái 'āmēn nghĩa là sự thật. Có thời gian tiếng Việt từng dùng **chớ gì** (chữ Nôm là 渚之 chữ chi HV) để dịch chữ amen, nhưng cách dịch này không thấy thông dụng nữa so với cách dùng trực tiếp amen.



Trích từ Sách Các Phép (LM Halario de Jesu)

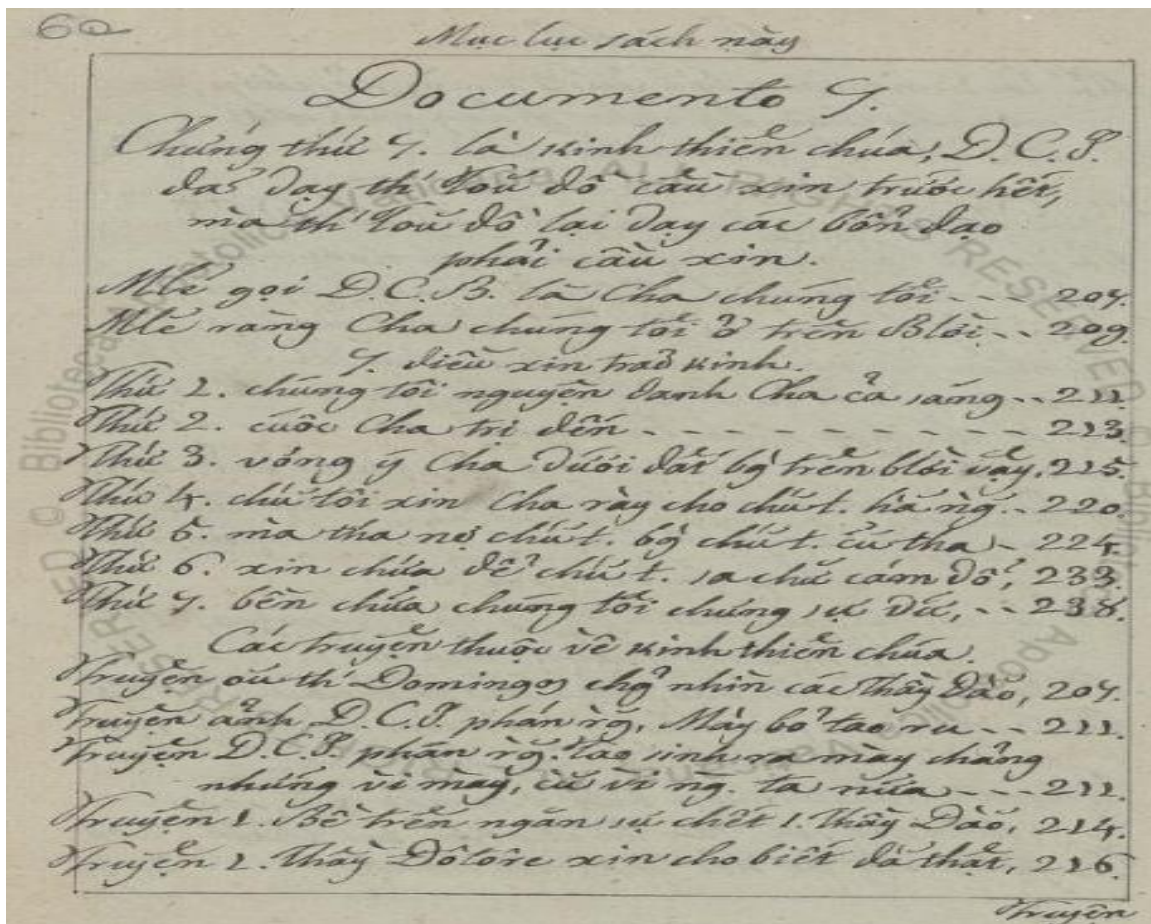


**Du**, sufficere; vel *cho du*, sufficienter, satis. Aliquando us-  
que ad: **Con**, phải đọc một ngày ba kinh thiên chúa, cho  
du mười ngày, debes, fili, recitare unâ die ter Pater nos-  
ter, et sic usque ad decem dies.

**BEN**, sed. Ben chúa chúng tôi chung su du, sed libera nos  
à malo; non est tam in usu quam *sao le*.

Bên trên là tài liệu giáo sĩ Joseph Morrone<sup>2</sup> chép lại cho thấy cách dùng **Kinh Thiên Chúa** (giống như Philipphê Bình): "*Con phải đọc một ngày ba Kinh Thiên Chúa, cho đủ mười ngày*" và "*bên chữa chúng tôi chung sự dữ*".

## 2. Kinh Lạy Cha bằng chữ quốc ngữ (ghi nhận qua Philipphê Bình)



<sup>2</sup> Trích từ tài liệu/bảng từ vựng tiếng Đàng Trong và La Tinh "**Lexicon Cochín-sinense Latinum**" của giáo sĩ Josepho Maria Morrone (cùng thời với LM Philipphê Bình) trao lại cho trung úy hải quân Mỹ John White ở Sài Gòn trước khi ông này rời Việt Nam trở về Mỹ năm 1820. Tuy ghi là từ vựng tiếng Đàng Trong nhưng nội dung và các từ dùng trong tài liệu là tiếng Đàng Ngoài.

Các cách đọc bằng chữ quốc ngữ trên từ bản Nôm KLC hoàn toàn phù hợp với cách đọc của chính người chép là LM Philiphê Bình như trang trên - xem hình chụp bên dưới - tuy nhiên phần chữ quốc ngữ không có các đoạn trong KLC chữ Nôm như

- thiên địa chân chúa
- (hằng ngày) dùng đủ
- (cũng tha) kẻ có nợ chúng tôi vậy
- amen

LM Philiphê Bình cũng giải thích nguồn gốc **Kinh Thiên Chúa** này là từ Đức Chúa Giê Su truyền cho các Thánh Tông Đồ (12 người được Đức Chúa Giê Su chọn để đi truyền đạo), sau đó các Thánh Tông Đồ truyền lại cho giáo dân và còn đọc cho đến ngày hôm nay. Để ý là cách gọi **Kinh Lạy Cha** chưa xuất hiện vào thời đại LM Philiphê Bình so với cách gọi **Kinh Thiên Chúa**. Do đó chỉ một đoạn văn ngắn bằng chữ quốc ngữ trên, ta có thể nhận ra vài tính cách của LM Philiphê Bình khi soạn các tài liệu viết tay này:

**2.1** Viết tắt như **bằng** ông viết là **bg`**, **Đức Chúa Jesu** ông viết thành **Đ. C. J.**, **thánh** viết thành **th'**, **chúng** có lúc viết thành **chũ**, **tôi** có lúc viết thành **t.**, **ngày** thành **ng`** ...v.v... Do đó, không ngạc nhiên khi thấy chữ Nôm trong cùng một tài liệu (nếu ông chính là người viết) ghi theo kiểu **thảo thư** rất khó đọc như chữ trời 𠄎 ở bên trên chẳng hạn! Thí dụ như chữ để 底 đã ghi bên trên, so sánh chữ để viết trong nguyên bản KLC và các dạng theo thảo thư TQ:



chữ để 底 viết trong nguyên bản KLC



811CHA.COM

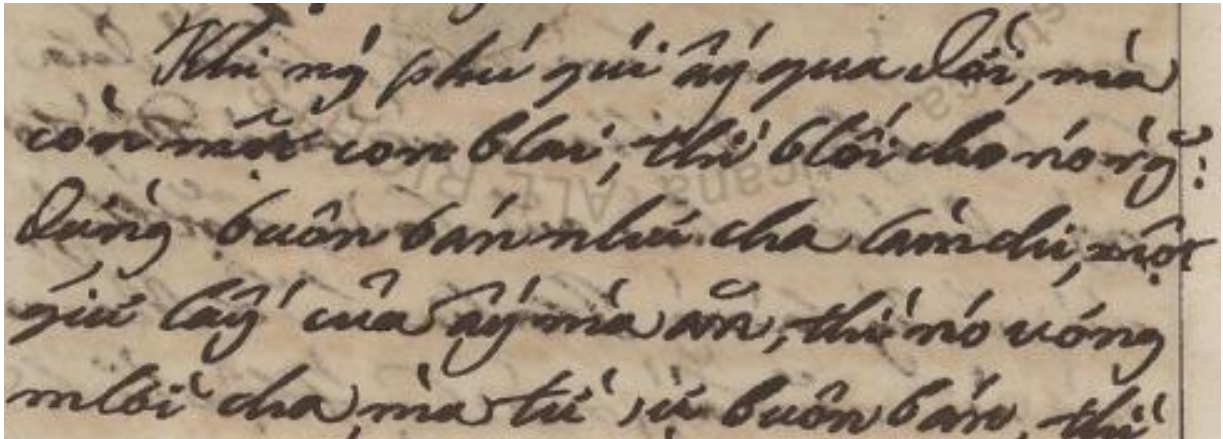
Khải thư



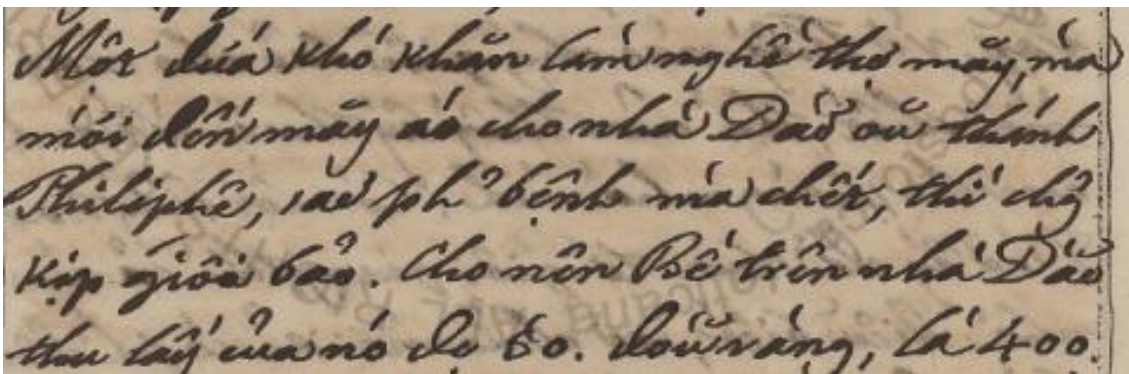
## Các dạng thảo thư TQ của chữ đê

**2.2** Không viết hoa trong một số trường hợp (danh từ riêng) như **kinh thiên chúa**, những trường hợp danh từ riêng tiếng ngoại quốc thì viết hoa như Đ. C. J., Domingos và **Đôtôre** (< Doctor tiếng La Tinh - **doutor** là tiếng Bồ Đào Nha cổ, không có phụ âm cuối lưỡi k trước vần -tor, giống như cách viết của Philipê Bình).

**2.3** Đoạn KLC từ tài liệu chép tay trên còn cho thấy các tổ hợp phụ âm **bl-** và **ml-** còn hiện diện vào thời LM Philipê Bình: **mlôi** (~ lời) và **blôi** (~ trời). Qua các tự điển của LM Béhaine (1772/1773) và Taberd (1838), Đàng Trong vào thời này đã không còn các tổ hợp phụ âm bl- và ml- như Đàng Ngoài. **Các tổ hợp phụ âm này đã hiện diện vào thời VBL** (năm 1651), cho thấy Đàng Ngoài vẫn còn bảo lưu cách ghi âm này so với Đàng Trong. Một điều nên ghi nhận ở phần này về tổ hợp phụ âm bl-: cũng trong các tài liệu viết tay của LM Philipê Bình, ông có lúc dùng dạng gi- tương đương như **blôi** và **giôi** - phản ánh giai đoạn đầu của biến âm bl- > gi- ở Đàng Ngoài. Đàng Trong dùng **trôi** (chữ Nôm 𪗇 với thành phần HT là lỗi 𪗇).



Trích từ trang 428 "Sách Sổ Sang chép các việc" dùng **blôi** (thì blôi cho nó rãng).



Trích từ trang 421 "Sách Sổ Sang chép các việc" dùng **giôi** (thì chẳng kịp giới bảo).

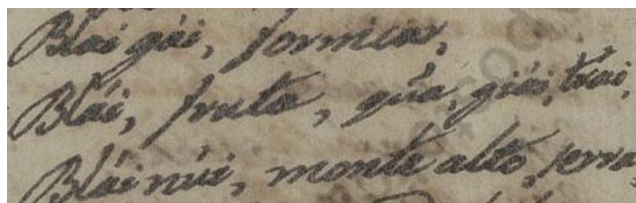
Ngoài liên hệ blôi - giôi, các cách đọc rất đặc biệt của Đàng Ngoài (< Hải Dương) đáng được ghi lại ở đây



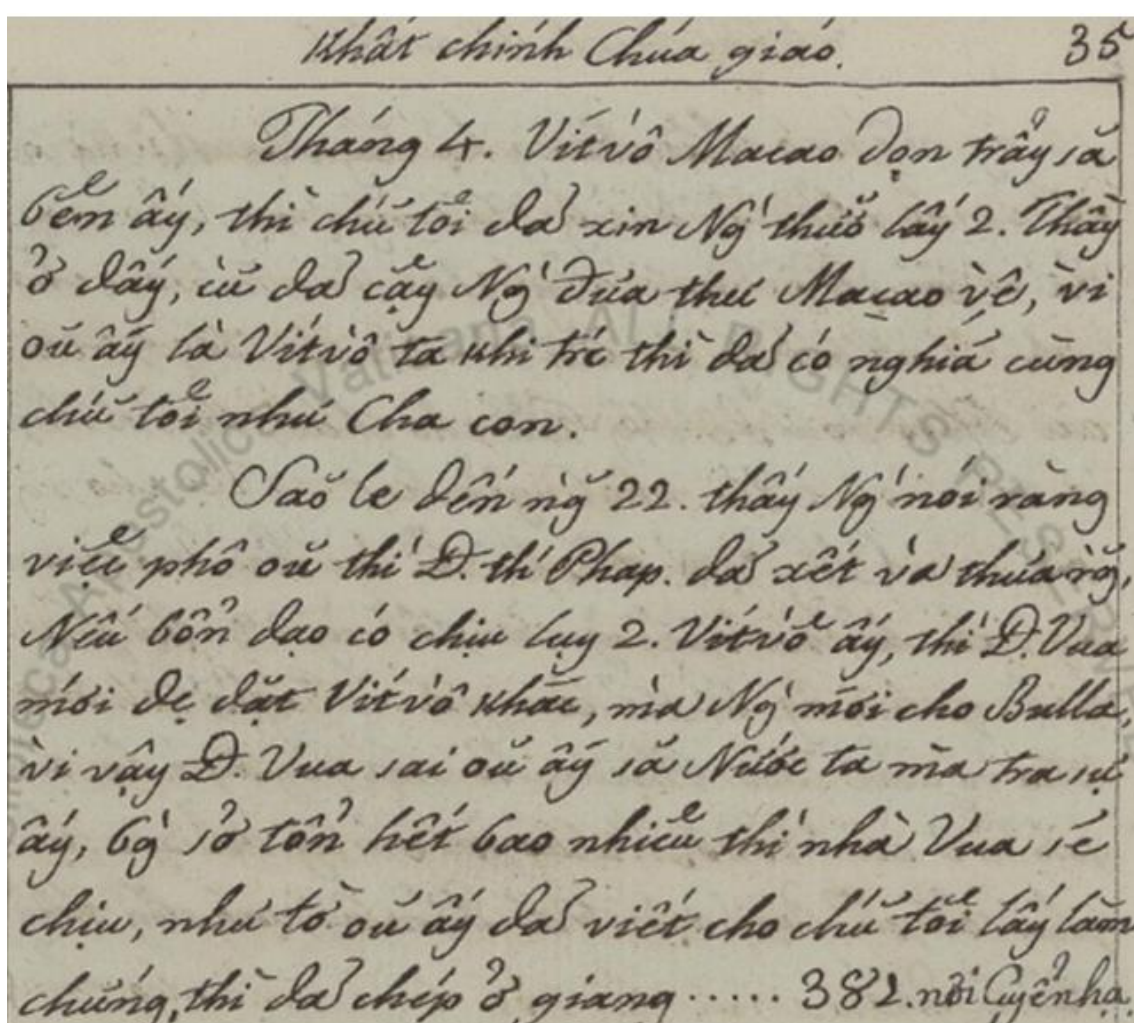
blái - giáí (trái)

blang - giang (trang)

blăng - giăng ...v.v...



Trích từ tự điển chép tay Việt Bồ (TK 18)



**2.4** Đề ý chữ đầu đề của trang KLC là (các kinh thường đọc) *chiêu hôm ban sáng* - hai loại chữ cùng hiện diện vào thời kì này. Điều này cho thấy các tác giả như LM Philiphê Bình, tuy soạn tài liệu qua dạng chữ quốc ngữ, nhưng vẫn có một số kiến thức về chữ Nôm như bản KLC này chẳng hạn. Ít người biết rằng LM Philiphê Bình đã soạn một số tài liệu bằng chữ Nôm như là chủ đề phần 5E này.

**2.5** Có 17 lần ngắt câu (dấu **o** trong bài viết) hay ít nhất là gấp hai lần so với các bản Nôm KLC khác thường có khoảng 8 lần. Nếu xét về nội dung KLC với 7 điều nguyện: ba điều dâng cho Đức Chúa Trời và bốn điều từ nhu cầu người nguyện, thì không khó giải thích nếu ngắt cắt KLC thành khoảng 8 đoạn nhỏ. So sánh với các bản KLC bằng chữ quốc ngữ từ TK 17 thì cũng có khoảng 7 hay 8 đoạn nhỏ. Tuy nhiên, tại sao lại có 17 đoạn nhỏ trong bản Nôm KLC của LM Philipê Bình? Một cách giải thích là cách đọc KLC như một bài hát cần ngân dài và có âm điệu<sup>3</sup> vào thời này, do đó cần phải ngắt câu nhiều hơn bình thường ...v.v...

Tóm lại, chỉ qua một đoạn văn nhỏ như Kinh Lạy Cha<sup>4</sup>, qua thủ bút của LM Philipê Bình, bằng chữ Nôm và bằng chữ quốc ngữ thì ta có thể nhận ra sự khác biệt giữa tiếng Việt Đàng Ngoài so với tiếng Việt Đàng Trong<sup>5</sup> (bây giờ gọi là phương ngữ Bắc so với phương ngữ Nam). Một số từ cổ không còn dùng nữa cùng với những thay đổi trong đại từ nhân xưng (td. tao, mày, chúng tôi) và danh xưng (td. Kinh Thiên Chúa thay vì Kinh Lạy Cha). Số chữ của toàn Kinh Lạy Cha cũng là một chỉ số cho ta thông tin thêm về ngôn ngữ và lịch sử VN. Áp lực cấm đạo trở nên rất lớn vào những thập niên 1840 và 1850 đến nỗi Kinh Lạy Cha phải cắt bỏ nhiều chữ và chỉ còn 49 chữ (bản KLC chữ Nôm năm 1855) - một phần để đọc kinh cho nhanh và một phần để tránh phiền phức từ chính quyền đương thời (chỉ dùng chữ Hán/Nôm nên KLC chữ Nôm<sup>6</sup> không có câu *quốc Cha trị đến* chẳng hạn). Năm 1859 thì Pháp chính thức xâm chiếm Nam Kỳ: xem biểu đồ số chữ KLC theo dòng thời gian (năm) bên dưới - bắt đầu từ bản KLC năm 1632 có 70 chữ cho đến bản KLC năm 2017 có 71 chữ so với bản tiếng Trung hiện đại (Chinese Union Version) có 95 chữ! Tham khảo biểu đồ về số chữ KLC bên dưới: điểm cực tiểu xảy ra vào năm 1855, một mốc xịch quan trọng cho quá trình xâm lăng VN từ nước Pháp.

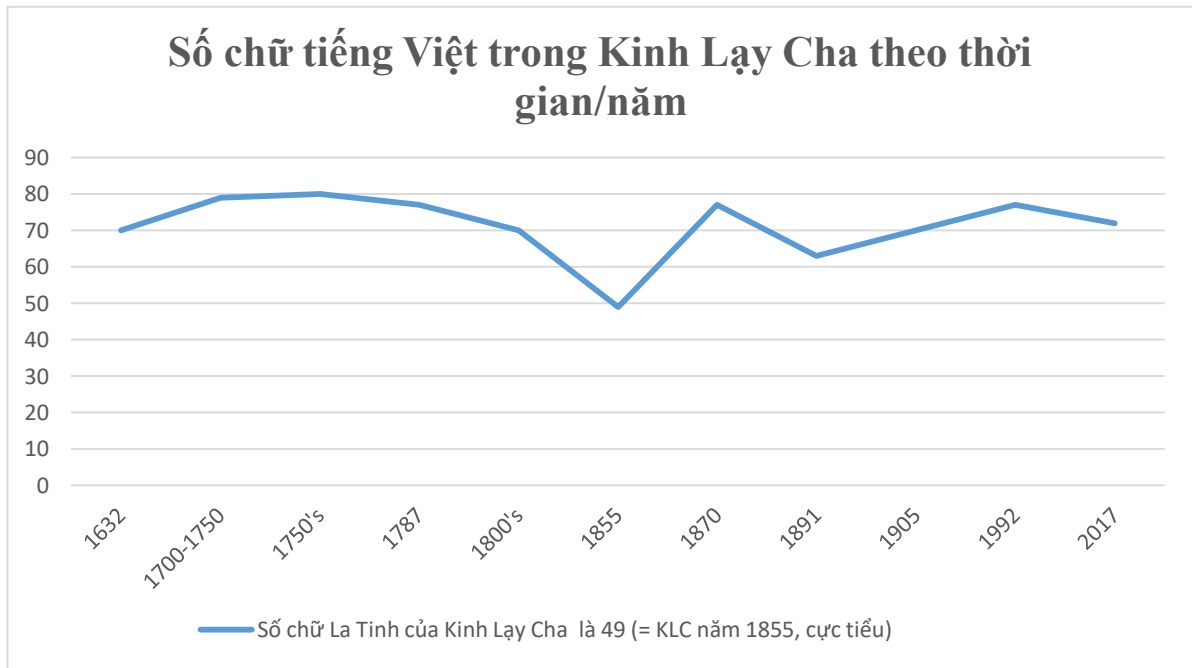
---

<sup>3</sup> Thí dụ như tục **ngắm** của CG: vừa đọc chậm và vừa ngân nga như ngâm thơ, ngâm vịnh và vừa suy nghĩ về lời ca. Thí dụ như bài "Ngắm 15 Sự Thương Khó Đức Chúa Giê-su" mà nhiều người cho rằng tác giả là LM de Rhodes. Có thể coi ngắm CG là một loại '**dân ca tôn giáo VN**'.

<sup>4</sup> Thật ra còn cách gọi **Kinh A Vê** trong cột thứ ba, sau này đổi thành **Kinh Kính Mừng** (Đàng Trong) - tham khảo thêm bài viết "Tiếng Việt từ thời LM de Rhodes – các khuynh hướng dịch tiếng nước ngoài ra tiếng Việt: trường hợp bản Kinh Kính Mừng" (phần 26) cùng tác giả (NCT).

<sup>5</sup> Ngay từ thời tự điển Việt Bồ La đã bắt đầu ghi nhận như lợn/heo/sinh, mè/vùng, mũ/nón ...

<sup>6</sup> Nên nhắc lại ở đây là bản KLC chữ quốc ngữ năm 1855 vẫn còn giữ câu "Quốc Cha trị đến".



Hi vọng bạn đọc sẽ thấy hứng thú qua loạt bài viết này và tìm hiểu sâu xa hơn về tiếng Việt qua các tài liệu CG trước đây - qua các dạng chữ Hán, chữ Nôm và chữ quốc ngữ; cũng như tìm thấy nhiều kết quả thú vị như liên hệ giữa ngôn ngữ<sup>7</sup>, tôn giáo, văn hóa và lịch sử hình thành nước Việt Nam ngày nay.

### 3. Tài liệu tham khảo chính và ghi chú thêm

1) Pigneau de Béhaine (1772/1773) - *Bá Đa Lộc Bỉ Nhu* "Dictionarium Annamitico-Latinum" Dịch và giới thiệu bởi Nguyễn Khắc Xuyên, NXB Trẻ (Thành Phố HCM - 1999).

————— (1774/Quảng Đông → Địa phận Đàng Trong tái bản năm 1837)  
 "Thánh Giáo Yếu Lý Quốc Ngữ" 聖教要理國語 viết bằng chữ Nôm theo dạng Hối-Thư. Y Doãn Ninh/Lê Bảo Tịnh phiên âm và chú giải, La Vang Tùng Thư xuất bản (Mỹ).

2) Đỗ Quang Chính (1972) "Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659" NXB Đuốc Sáng (Sài Gòn).

3) Nguyễn Hồng (1959) "Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam - Quyển 1 - Các Thừa Sai dòng Tên 1615 - 1665" NXB Hiện Tại (Sài Gòn).

4) Nguyễn Quang Hồng (2015) "Tự điển chữ Nôm dẫn giải" Tập 1 và 2 - NXB Khoa Học Xã Hội/Hội Bảo Tồn Di Sản Chữ Nôm (Hà Nội).

5) Roland Jacques (2004) « Les missionnaires portugais et les débuts de l'Église catholique au Việt-nam » (Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha và thời kỳ đầu của Giáo hội Công giáo Việt Nam) - NXB Đinh Hương Tùng Thư (Pháp). Có thể đọc các bài viết của LM Roland Jacques

<sup>7</sup> td. tiếng Việt đặc biệt có danh từ kép **vua chúa** dùng để dịch danh từ đơn **rex** (tiếng La Tinh ~ **king** tiếng Anh ~ **roi** tiếng Pháp ~ **rey** tiếng Bồ) trong Phép Giảng Tám Ngày: đây là dấu ấn của lịch sử VN khi vua chỉ là hư vị và quyền lực nằm trong tay chúa (từ đầu TK 17). Tự điển Việt Bồ La cũng ghi nhận sự kiện này trong mục vua.

trên mạng như <http://www.dunglac.info/index.php?m=home&v=detail&ia=11502> . Các bài viết như "Chứng tích hình thành và phát triển chữ quốc ngữ từ năm 1632 đến nay: tiến trình của Kinh Lạy Cha" của Roland Jacques (người dịch Nguyễn Đăng Trúc) trên mạng này <http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=18656> ...v.v...

6) Halario de Jesu (thế kỷ XVIII) "Sách Các Phép" bằng 3 thứ chữ Nôm, La Tinh và quốc ngữ. Sách lưu hành nội bộ (1997).

7) Giêrônimô Maiorica (thế kỷ XVII) "Mùa Ăn Chay Cả", "Thiên Chúa Thánh Mẫu - Quyền thượng", "Thiên Chúa Thánh Mẫu - Quyền trung", "Đức Chúa Giê-Su - Quyền chi cử & Quyền chi thập", "Thiên Chúa Thánh Giáo Hối Tội Kinh", "Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông", "Kinh Những Ngày Lễ Phục Sinh - Quyền thứ ba", "Các Thánh Truyện". Sách lưu hành nội bộ (năm xuất bản 2002/2003 - LM Nguyễn Hưng).

8) Josepho Maria Morrone (khoảng đầu TK 19) "Lexicon Cochinchinense Latinum" đăng trong cuốn "A Dissertation on the nature and character of the Chinese system of writing" viết bởi nhà ngôn ngữ Mỹ Peter Stephen Du Ponceau (1838), in lại bởi NXB Kessinger Publishing. Kèm thêm bảng từ vựng căn bản có 333 chữ Nôm và chữ quốc ngữ với giải thích.

9) Alexandre de Rhodes (1651) "Phép Giảng Tám Ngày" - Tủ Sách Đại Kết in lại từ Tinh Việt Văn Đoàn (1961 - Sài Gòn) với phần giới thiệu của tác giả Nguyễn Khắc Xuyên.

\_\_\_\_\_ (1651) "Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum" thường gọi là từ điển Việt-Bồ-La; bản dịch của Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính - NXB Khoa Học Xã Hội, Thành Phố HCM (1991).

\_\_\_\_\_ "Tường Trình về Đàng Trong 1645" bản dịch của Hồng Nhuệ, NXB Ánh Sáng Publishing, Escondido (California/Mỹ, 1994?).

\_\_\_\_\_ "Lịch sử Vương Quốc Đàng Ngoài từ 1627 tới năm 1646" dịch giả Nguyễn Khắc Xuyên - Tủ sách Đại Kết, Thành phố HCM (1994).

10) Jean Louis Taberd (1838) - tên Việt là Cố Từ - "Dictionarium Annamitico-Latinum" Serampore (Bengale).

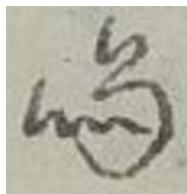
11) Nguyễn Cung Thông (2021) "Tiếng Việt từ TK 17: thợ dào, thợ rèn, thợ máy ... động chúa (phần 30)" - có thể xem toàn bài trên trang <https://nghiencuulichsu.com/2021/06/17/tieng-viet-tu-tk-17-tho-dao-tho-ren-tho-may-dong-chua-phan-30/> ...

\_\_\_\_\_ (2021) "Tiếng Việt từ thời LM de Rhodes – các khuynh hướng dịch tiếng nước ngoài ra tiếng Việt: trường hợp bản Kinh Kính Mừng (phần 26)" - có thể xem toàn bài trên trang này chẳng hạn <http://vanviet.info/nghien-cuu-phe-binh/tieng-viet-tu-thoi-lm-de-rhodes-cc-khuynh-huong-dich-tieng-nuoc-ngoai-ra-tieng-viet-truong-hop-ban-kinh-kinh-mung-phan-26/> ...v.v...

\_\_\_\_\_ (2018) "Tiếng Việt từ thời LM de Rhodes - Kinh Lạy Cha" phần 5A cho đến phần 5D (bốn bài viết) - tham khảo loạt bài này trên trang này chẳng hạn <http://www.vietnamvanhien.org/TiengVietThoiLMRohdesKinhLayCha.pdf> hay <http://vanviet.info/nghien-cuu-phe-binh/tieng-viet-tu-thoi-lm-de-rhodes-kinh-lay-cha-phan-5a-cho-den-phan-5d/>

5a/ hay <http://conggiao.info/tieng-viet-tu-thoi-lm-de-rhodes---kinh-lay-cha---phan-5c-d-53320...v.v...>

## Phụ Trương



Chữ dữ trong bản Nôm KLC/Philiphê Bình - vài dạng thảo thư của chữ **dữ** 與



so với khái thư 

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)



An Lạc & Tự Chủ

www.vietnamvanhien.info

TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 7900 TÁC PHẨM